

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2025

Về việc “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Trực

2. Bà Phạm Thị Bích Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong là Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà X, vắng mặt ông N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông Nguyễn Hồng N tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn do ông N ghen tuông vô cớ, dẫn đến việc ông N có đánh bà X. Vợ chồng bà ngày càng không có tiếng nói chung về mọi mặt, bất đồng quan điểm nên không hợp nhau. Hiện nay mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để sống chung nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N; nếu tòa không giải quyết ly hôn bà cũng không thể chung sống với ông N nữa.

Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung tên Nguyễn Tấn Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 02/5/2010; Lê Nguyễn An N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/5/2018 và Lê Nguyễn An N2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/5/2018. Nếu tòa giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cả 03 con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn ông Nguyễn Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị X tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông N thừa nhận do ông ghen tuông nên ông có đánh bà X. Tuy nhiên ông N còn tình cảm với bà X nên mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nuôi dạy các con. Quá trình chung sống đôi lúc thường cãi vã, xảy ra mâu thuẫn nên bà X có về nhà ngoại khoảng 01 tuần, tuy nhiên hiện nay vợ chồng vẫn đang sống chung. Ông nhận thấy ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà X, nên bà X yêu cầu ly hôn ông N không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà X có 03 con chung tên Nguyễn Tấn Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 02/5/2010; Lê Nguyễn An N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/5/2018 và Lê Nguyễn An N2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/5/2018. Nếu tòa giải quyết ly hôn thì ông N đồng ý giao 03 con chung cho bà X nuôi dưỡng; ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải do ông N vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Hồng N; Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 02/5/2010; Lê Nguyễn An N1, sinh ngày 16/5/2018 và Lê Nguyễn An N2, sinh ngày 16/5/2018. Sau khi ly hôn giao cả 03 con chung cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Do không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị X yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hồng N và yêu cầu giải quyết về con chung. Bị đơn ông Nguyễn Hồng N có nơi cư trú tại thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hồng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Nguyễn Hồng N có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 01 ngày 19 tháng 10 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của bà X và ông N là hợp pháp.

Lý do bà X yêu cầu ly hôn là do ông N thường xuyên ghen tuông vô cớ và đánh bà nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Còn ông N cho rằng quá trình chung sống đôi lúc cãi vã, mâu thuẫn do ông ghen tuông và có đánh bà, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình”* và tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*.

Từ lời trình bày của đương sự, đối chiếu với quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông N, bà X đã không còn quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, ông N có biểu hiện bạo lực gia đình nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của bà X là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 02/5/2010; Lê Nguyễn An N1, sinh ngày 16/5/2018 và Lê Nguyễn An N2, sinh ngày 16/5/2018. Bà X yêu cầu được nuôi cả ba con; còn ông N trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông không đến Tòa để làm việc, nhưng tại biên bản ghi lời khai ông đồng ý giao ba con cho bà X nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc giao con chung cho cha hay mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trên cơ sở phải đảm bảo điều kiện để phát triển tốt nhất nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu; Theo bà X khai hiện nay các cháu đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và bà đủ điều kiện để nuôi ba con; ông N cũng đồng ý giao ba con chung cho bà X nuôi, đây là sự tự nguyện của ông N; yêu cầu nuôi con của bà X và sự tự nguyện của ông N đối với việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Đ, cháu N1 và cháu N2 cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, cũng như tinh thần cho các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do X không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn ông Nguyễn Hồng N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 02/5/2010; Lê Nguyễn An N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/5/2018 và Lê Nguyễn An N2 (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/5/2018 cho bà Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Bà Lê Thị X và ông Nguyễn Hồng N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ngày 05/3/2025 bà X đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005547 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam nay chuyển thành án phí và sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Nhàn